TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/HS-ST
Ngày: 22-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo – Giáo viên hưu trí.

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hà Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:* Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/HSST-QĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. **Phan Văn P**, sinh ngày 20/4/2007. Nơi sinh: Tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T và bà Đỗ Thị Bích L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2024 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phú: Ông Phan Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Xã B, huyện C, tỉnh An Giang là người đại diện theo pháp luật (bố ruột), vắng mặt.

Người bào chữa của bị cáo Phan Văn P: Ông Nguyễn Tiến D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. **Lữ Văn T1**, sinh năm 1995. Nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Lữ Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2024 cho đến nay; có mặt.

3. **Trương Minh K**, sinh năm 2001. Nơi sinh: Tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H và bà Hồ Thị D; có 01 người con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2024 cho đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1979; địa chỉ: Xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 10/11/2024, Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương tiến hành kiểm tra hành chính trên địa bàn phường theo Công lệnh tuần tra số 510 ngày 10/11/2024. Khi tuần tra đến đường Lý Tự Trọng thuộc khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì phát hiện Trương Minh K điều khiển xe mô tô biển số 59S2-161.02 chở Phan Văn P có biểu hiện nghi vấn về ma túy nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện Phan Văn P đang cất giấu trong quần 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng. Phan Văn P khai nhận chất tinh thể màu trắng trong gói nylon là ma túy do Phú và Khương mua từ một đối tượng nam (không rõ nhân thân) đem về sử dụng. Trước đó Phú và Khương đã sử dụng chung ma túy với Lữ Văn T1 được 02 lần tại phòng trọ của Tới. Công an phường T tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án gồm: 01 gói nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng; 01 xe mô tô biển số 59S2-161.02; 01 căn cước công dân tên Phan Văn P.

Sau đó, Công an phường T đã chuyển hồ sơ, vật chứng thu giữ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, căn cứ vào lời khai của Phan Văn P và Trương Minh K, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã tiến hành khám xét nơi ở của Phan Văn P và Lữ Văn T1 tại tổ 5, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Kết quả khám xét thu giữ 01 hộp nhựa, bên trong chứa 03 nỏ thủy tinh (02 nỏ đã bị vỡ; 01 nỏ có chứa chất bám dính màu nâu); 01 chai nước suối có nắp được đục lỗ; 01 đoạn ống hút; 10 bịch nylon hở một đầu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định đối với chất tinh thể màu trắng thu từ Phan Văn P và chất bám dính màu nâu trong nỏ thủy tinh thu giữ tại phòng của Lữ Văn T1 và Phan Văn P.

Tại Bản kết luận giám định số 5323/KL-KTHS(MT) ngày 19/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu tinh thể màu

trắng thu giữ từ Phan Văn P gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3438 gam, loại Methamphetamine; Chất màu nâu gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0165 gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

Lữ Văn T1, Phan Văn P và Trương Minh K quen biết với nhau. Tất cả đều nghiện ma tuý, loại ma túy sử dụng là Methamphetamine. Lữ Văn T1 và Phan Văn P ở cùng với nhau tại kiot thuộc tổ 5, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Kiot này do mẹ của Lữ Văn T1 thuê.

Vào ngày 07/10/2024, Lữ Văn T1, Phan Văn P và Trương Minh K bàn bạc với nhau mua ma túy về sử dụng thì tất cả đồng ý. Tuy nhiên, do không ai có tiền nên Tới, Phú và Khương thống nhất đi mua nợ một thùng bia với số tiền 270.000 đồng. Sau đó, T1, P và K đem bán lại lấy số tiền 270.000 đồng. Khi có tiền Phú là người đi mua ma túy mang về phòng trọ của P và T1. Sau khi mua được ma túy, T1, P và K cùng nhau sử dụng ma túy tại phòng trọ của P và T1. Đến khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 10/11/2024, P tiếp tục rủ T1 và K đi về phòng của Phú và Tới để sử dụng ma túy thì tất cả đồng ý, khi về đến phòng thì Phú lấy bộ dụng cụ có sẵn ma túy trong đó ra sử dụng cùng với T1 và K. Sử dụng xong ma túy thì T1 nằm ngủ còn K và P ngồi chơi tại phòng trọ. Lúc này, P tiếp tục rủ K đi mua ma túy về để sử dụng tiếp thì K đồng ý, K điều khiển xe mô tô biển số 59S2-161.02 chở Phú đến đường Bình Chuẩn 64 thuộc phường B, thành phố T1 gặp đối tượng nam (không rõ nhân thân) mua 200.000 đồng ma túy, khi mua được ma túy Phú cất vào trong quần rồi K chở P quay về lại phòng trọ của P, khi đi đến đường Lý Tự Trọng thuộc khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì bị phát hiện bắt quả tang.

Đối với xe mô tô biển số 59S2-161.02: Quá trình điều tra xác định xe 59S2-161.02 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1979, nơi thường trú: xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) là mẹ của Lữ Văn T1. Ngày 10/11/2024, bà T2 không biết T1 cho K mượn xe, sau đó K sử dụng xe để đi mua ma túy thì bà T2 và T1 không biết.

Cáo trạng số 120/CT-VKSTU ngày 21/4/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phan Văn P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trương Minh K về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Lữ Văn T1 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Đề nghị tuyên bố: Bị cáo Phan Văn P và bị cáo Trương Minh K phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Bị cáo Lữ Văn T1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 55, Điều 58, Điều 91 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp Người chưa thành niên xử phạt bị cáo Phan Văn P 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b, c Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Minh K 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 08 năm đến 09 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 09 năm đến 10 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lữ Văn T1 09 đến 10 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Tịch thu, tiêu hủy: Một bì thư niêm phong ký hiệu 5325/PC09 (ký hiệu M1) và một bì thư niêm phong ký hiệu 5325/PC09 (ký hiệu M2); 01 (một) hộp nhựa; 02 (hai) nỏ thủy tinh bị vỡ, 01 (một) chai nước suối có nắp được đục lỗ, 01 (một) đoạn ống hút, 10 (Mười) bịch nylon hở một đầu.

Đối với 01 căn cước công dân tên Phan Văn P trả cho bị cáo P.

Đối với xe mô tô biển số 59S2-161.02: Bà T2 không biết việc K mượn xe để sử dụng đi mua ma túy nên cần trả lại cho bà T2.

- Người bào chữa của bị cáo Phan Văn P tranh luận: Thống nhất với tội danh cũng như khung hình phạt mà cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Phú đối với hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đối với hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" thì đề nghị xem xét xác tình tiết sau: Bị cáo bị nghiện ma túy từ năm 2020 cho đến nay, việc bị cáo tàng trữ ma túy mục đích cũng chỉ sử dụng thỏa mãn cơn nghiện của bị cáo. Xét về mức độ, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo sử dụng số tiền 270.000 đồng để mua ma túy, bị cáo là tầng lớp lao động nghèo, số tiền bỏ ra mua ma túy rất nhỏ, hàm lượng ma túy bị cáo và các bị cáo khác sử dụng cũng rất nhỏ, bị cáo sử dụng phòng trọ của mình để chơi ma túy cùng 02 bị cáo khác, các dụng cụ mà bị cáo sử dụng ma túy chỉ là những vật dụng sơ sài. Điều này chứng tỏ các bị cáo phạm tội nhất thời chưa hiểu biết về nhận thức việc cùng nhau sử dụng chung ma túy từ 02 người trở lên là phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo phạm tội không mang tính chất chuyên nghiệp (không chuẩn bị phòng bay, phòng lắc, không có các công cụ hỗ trợ như âm thanh, đèn led…) như vậy tính chất nguy hiểm cho xã

hội của các bị cáo về mặt chủ quan là nhỏ so với các hành vi phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tương tự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 6 Điều 91, khoản 1 Điều 101; khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, Luật Tư pháp đối với Người chưa thành niên xử phạt bị cáo Phú mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dụng vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo Phan Văn P, Trương Minh K và Lữ Văn T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng thu giữ và kết luận giám định. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 07/10/2024, tại phòng trọ của Lữ Văn T1 và Phan Văn P (sinh ngày 20/4/2007) thuộc tổ 5, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Lữ Văn T1, Phan Văn P và Trương Minh K cùng bàn bạc thống nhất với nhau đi mua ma túy với số tiền 270.000 đồng để cùng sử dụng. Đến ngày 10/11/2024, Phan Văn P tiếp tục rủ Lữ Văn T1 và Trương Minh K đi về phòng trọ của P và T1 để sử dụng ma túy, khi về đến phòng trọ thì P lấy nỏ thủy tinh có sẵn ma túy bên

trong ra cùng sử dụng với T1và K. Sau khi sử dụng ma túy xong thì Tới nằm ngủ, còn P tiếp tục rủ K đi mua ma túy về sử dụng thì K đồng ý. Sau đó, P và K đi mua 0,3438 gam ma túy, loại Methamphetamine với số tiền 200.000 đồng nhằm mục đích sử dụng. P là người cất giấu ma túy còn K là người điều khiển xe chở Phú; khi đi đến đường Lý Tự Trọng thuộc khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì bị bắt quả tang. Việc P và K bàn bạc với nhau đi mua ma túy lần này thì T1 không biết. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ cấu thành tội phạm, cụ thể: Hành vi của bị cáo Phan Văn P đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Trương Minh K đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Lữ Văn T1 đã phạm vào tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố các bị cáo với các tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh phòng, chống tội phạm và bài trừ tệ nạn ma tuý tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm và có chế tài nghiêm khắc đối với các hành vi này nhưng vì mục đích muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân, coi thường pháp luật nên đã cố ý thực hiện. Do đó, để có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời, nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4] Về vai trò đồng phạm: Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn. Các bị cáo có vai trò đồng phạm ngang nhau. Do đó, khi quyết định hình phạt sẽ xem xét toàn diện về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với bị cáo Phan Văn P: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) nên cần áp dụng Điều 91 Bộ luật Hình sự về nguyên tắc xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và khoản

1 Điều 119 Luật Tư pháp Người chưa thành niên để áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[8] Mức hình phạt của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với các bị cáo Phan Văn P, Trương Minh K là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với bị cáo Lữ Văn T1 là cao, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn cho phù hợp.

[9] Lời bào chữa của người bào chữa của bị cáo Phan Văn P có căn cứ chấp nhận một phần.

[10] Về tổng hợp hình phạt: Các bị cáo Phan Văn P và Trương Minh K phạm nhiều tội nhưng được xét xử cùng một lần do đó Hội đồng xét xử sẽ quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt theo Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, tiêu hủy: Một bì thư niêm phong ký hiệu 5325/PC09 (ký hiệu M1) và một bì thư niêm phong ký hiệu 5325/PC09 (ký hiệu M2); 01 (một) hộp nhựa; 02 (hai) nỏ thủy tinh bị vỡ, 01 (một) chai nước suối có nắp được đục lỗ, 01 (một) đoạn ống hút, 10 (Mười) bịch nylon hở một đầu.

- Đối với 01 căn cước công dân tên Phan Văn P trả cho bị cáo Phan Văn P.

- Đối với xe mô tô biển số 59S2-161.02: Qua tra cứu do bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1979, nơi thường trú: Xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (là mẹ của bị cáo Tới) đứng tên chủ sở. Bà T2 không biết việc K mượn xe để sử dụng đi mua ma túy nên cần trả lại cho bà T2.

[12] Đối với đối tượng nam bán ma túy cho bị cáo P, hiện chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau.

[13] Phòng trọ tại tổ 5, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương do bà Nguyễn Thị T2 thuê cho T1 và P ở. Bà T2 không biết T1 và P sử dụng phòng trọ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xử lý đối với bà T2 là phù hợp.

[14] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

- Bị cáo Phan Văn P và bị cáo Trương Minh K phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Bị cáo Lữ Văn T1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

1. *Về trách nhiệm hình sự:*

1.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 55, Điều 58, Điều 91 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp Người chưa thành niên;

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 04 (Bốn) năm 08 (Tám) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 05 (Năm) năm 10 (Mười) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/11/2024.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b, c Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Minh K 02 (Hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 08 (Tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 10 (Mười) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/11/2024.

1.3. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lữ Văn T1 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/11/2024.

2. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) bì thư niêm phong ký hiệu 5325/PC09 (ký hiệu M1) và 01 (Một) bì thư niêm phong 5325/PC09 (ký hiệu M2); 01 (Một) hộp nhựa; 02 (Hai) nỏ thủy tinh bị vỡ, 01 (Một) chai nước suối có nắp được đục lỗ, 01 (Một) đoạn ống hút, 10 (Mười) bịch nylon hở một đầu.

- Trả lại 01 (Một) căn cước công dân tên Phan Văn P cho bị cáo Phan Văn P.

- Trả lại xe mô tô biển số 59S2-161.02, nhãn hiệu Honda, màu sơn vàng, số máy HC09E-6317594, số khung RNHHC09026Y317642 cho bà Nguyễn Thị T2.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương)

3. *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phan Văn P, Trương Minh K, Lữ Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương